TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11/4/2025.
V/v: "Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình".

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ-TỈNH PHÚ THỌ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Tú và bà Nguyễn Thị Sâm.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Hà Thị Phương Chinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà***: Ông Phạm Thật - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 83/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2025/QĐST – HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim C, sinh năm1997. Địa chỉ: Khu C, xã S (nay là xã P), huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Hà Đình T, sinh năm 1996. Địa chỉ: Khu C, xã S (nay là xã P), huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(Chị C xin giải quyết vắng mặt, anh T vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 30/11/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Kim C trình bày: Chị và anh Hà Đình T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/11/2016 tại UBND xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không bảo ban được nhau, luôn bất đồng quan điểm sống và

lối sống nên vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Khi vợ chồng mâu thuẫn hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung là cháu Hà M, sinh ngày 18/01/2015; cháu Hà Khải M1, sinh ngày 20/8/2018 và cháu Hà Tiểu V, sinh ngày 09/8/2023. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, cháu V và nhất trí giao cháu M1 cho anh T được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị C không yêu cầu giải quyết.

2, P bị đơn anh Hà Đình T: Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê đã gửi giấy báo làm việc nhiều lần nhưng anh T đều vắng mặt.

3, Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/02/2025 bà Nguyễn Thị N (mẹ đẻ anh T) trình bày: Chị C và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/11/2016 tại UBND xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn anh chị chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, không có tiếng nói chung, không bảo ban được nhau, nên chung sống không hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân hơn 1 năm nay, mỗi người một nơi, không còn chung sống cùng nhau. Khi anh chị mâu thuẫn gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Nay chị C xin ly hôn anh T bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị C và anh T có 03 con chung là cháu Hà M, sinh ngày 18/01/2015; cháu Hà Khải M1, sinh ngày 20/8/2018 và cháu Hà Tiểu V, sinh ngày 09/8/2023. Hiện nay cả 3 con chung đang ở cùng chị C và mẹ đẻ chị C tại thị xã P, tỉnh Phú Thọ được chị C và mẹ đẻ chị C chăm sóc nên các cháu được ăn học và phát triển tốt. Trường hợp anh chị ly hôn bà đề nghị giao cháu M, cháu V cho chị C nuôi dưỡng và giao cháu M1 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà sẽ có trách nhiệm giúp đỡ anh T trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M1. Hiện nay anh T làm lao động tự do, thu nhập cụ thể thế nào thì bà không biết nhưng anh T cũng đủ điều kiện để nuôi con. Bà làm công nhân nghỉ hưu có lương hàng tháng ổn định nên đủ điều kiện giúp đỡ anh T trong việc nuôi con.

4, Nguyện vọng của cháu Hà M: Tại bản tự khai ngày 14/02/2025 cháu M có nguyện vọng xin được ở với chị C.

5, Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã Phong Thịnh ngày 25/02/2025 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Chị C và anh T có đăng ký kết hôn ngày 01/11/2016 tại UBND xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn anh chị được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hoà thuận hạnh phúc đến

năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không bảo ban được nhau trong cuộc sống vợ chồng nên chung sống không hạnh phúc. Khi anh chị phát sinh mâu thuẫn, hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Hiện nay anh chị mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Thực tế hiện nay anh chị không còn chung sống cùng nhau, chị C ở nhà bố mẹ đẻ chị C tại thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Còn anh T làm lao động tự do và ở cùng mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị N tại Khu C, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Anh chị có 03 con chung là Hà M, sinh ngày 18/01/2015; Hà Khải M1, sinh ngày 20/8/2018 và Hà Tiểu V, sinh ngày 09/8/2023. Hiện nay cả 03 con chung đang ở cùng chị C. Nay chị C xin ly hôn anh T, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì, bị đơn vi phạm về nghĩa vụ quy đinh tại khoản 15, 16 Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim C được ly hôn anh Hà Đình T.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là cháu Hà M, sinh ngày 18/01/2015 và cháu Hà Tiểu V, sinh ngày 09/8/2023 cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu M, cháu V thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung chưa thành niên là cháu Hà Khải M1, sinh ngày 20/8/2018 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu Minh thành N1 (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị C, anh T được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Trần Thị Kim C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà

và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh T có hộ khẩu thường trú tại khu C, xã S (nay là xã P), huyện C, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị C có đơn xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Phía anh T đã được Toà án gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị C và anh T là hoàn toàn hợp pháp được đăng ký kết hôn ngày 01/11/2016 tại UBND xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt, chị C cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không bảo ban được nhau, luôn bất đồng quan điểm sống và lối sống nên vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Phía anh T được Tòa án đã báo gọi nhiều lần, anh T có biết việc Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa chị C và anh nhưng anh không đến Tòa án làm việc để thể hiện quan điểm của mình. Mẹ đẻ anh T là bà Nguyễn Thị N xác nhận chị C và anh T đã sống ly thân hơn một năm nay, anh chị mỗi người một nơi, không còn chung sống cùng nhau. Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của chị C và anh T được đại diện chính quyền địa phương cung cấp sau khi kết hôn anh chị chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Thực tế hiện nay anh chị không còn chung sống cùng nhau, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị C và anh T đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai bên, làm cho anh chị sống không đem lại hạnh phúc, không còn tình yêu thương. Vì vậy cần xử cho chị C được ly hôn anh T là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị C, anh T có 03 con chung là cháu Hà M, sinh ngày 18/01/2015; cháu Hà Khải M1, sinh ngày 20/8/2018 và cháu Hà Tiểu V, sinh ngày 09/8/2023. Khi ly hôn chị C đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, cháu V và nhất trí giao cháu M1 cho anh T được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Xét thấy nguyện vọng của cháu M xin được ở với chị C, cháu V còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy khi ly hôn cần giao cháu M, cháu V cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu M1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim C được ly hôn anh Hà Đình T.

[2]. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là cháu Hà M, sinh ngày 18/01/2015 và cháu Hà Tiểu V, sinh ngày 09/8/2023 cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu M, cháu V thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung chưa thành niên là cháu Hà Khải M1, sinh ngày 20/8/2018 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu Minh thành N1 (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị C, anh T được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Trần Thị Kim C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị C đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0005073 ngày 25/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã H, thị xã P;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đinh Thị Thu Huyền